

Bản án số: 24/2018/KDTM-ST
Ngày: 24/4/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Tiêu Kim Thuận.

2/ Bà Đào Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 51/2017/TLST-KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2018/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường L, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Trần T, sinh năm 1968 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số Đường K, Phường h, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 23/11/2017).

2. Bị đơn:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn B.

Địa chỉ trụ sở chính: Số Đường P, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:

Ông Nguyễn U, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số tổ dân phố D, thị trấn C, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn J, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số Chung cư R, Phường S, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại tòa của nguyên đơn Ngân hàng N có ông Trần T là người đại diện theo ủy quyền thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 26/8/2011 Ngân hàng N (gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (gọi tắt là bị đơn) có ký kết hợp đồng tín dụng số 1603LAV201100335. Số tiền vay là 17.000.000.000 (mười bảy tỉ) đồng. Dư nợ 3.924.229.582 (ba tỉ, chín trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi hai) đồng. Phương thức vay vốn: vay từng lần. Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh mua bán sắt thép xây dựng. Lãi suất vay là 19%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, 7% thời điểm hiện nay. Thời hạn vay: 06 tháng, thời hạn nhận nợ từng lần giải ngân: tối đa không quá 06 tháng. Phương pháp trả lãi tiền vay là trả hàng tháng, lãi suất nợ quá hạn hiện đang áp dụng là 102% so với lãi suất vay đã thỏa thuận. Nhận nợ 01 lần vào ngày 26/8/2011. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ Đường Z, phường X, quận Q do ông Nguyễn J sở hữu, quản lý sử dụng (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 110/HĐTC-2010 do Phòng công chứng V xác nhận ngày 22/12/2010). Quá trình vay vốn, Công ty TNHH B gặp khó khăn về tài chính dẫn đến không thanh toán được nợ gốc và lãi theo kỳ hạn đã định ban đầu do đó tài sản đã được các bên xử lý và thông qua bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ nên khoản vay không còn tài sản đảm bảo. Kể từ khi thanh toán nợ ngày 07/10/2014, Ngân hàng đã yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại hoặc bổ sung tài sản đảm bảo nhưng khách hàng vẫn không thực hiện.

Nay phía nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu:

1/ Yêu cầu bị đơn Công ty TNHH B thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày Tòa xét xử (ngày 24/4/2018) là 7.150.627.203 (bảy tỉ, một trăm năm mươi triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm lẻ ba) đồng {trong đó tiền vốn gốc là 3.924.229.582 (ba tỉ, chín trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi hai) đồng; tiền lãi tính từ ngày 09/5/2012 đến ngày 24/4/2018 là 3.199.642.858 (ba tỉ, một trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi tám) đồng và tiền lãi phạt quá hạn 26.754.763 (hai mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi ba) đồng} và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thi tất toán nợ vay.

2/ Yêu cầu bị đơn Công ty TNHH B hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn J bổ sung tài sản thế chấp như các bên đã thỏa thuận tại điểm 3.5.5, Điều 3 và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo điểm 4.4.7, khoản 4.4, Điều 4 của hợp đồng thế chấp tài sản số 110/HĐTC-2010 ngày 22/12/2010.

Ngoài ra không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

** Bị đơn Công ty TNHH B có ông Nguyễn U là người đại diện theo pháp luật trình bày:* Ngày 26/8/2011 Ngân hàng N – Chi nhánh L và Công ty TNHH B có ký hợp đồng tín dụng số 1603LAV201100335. Với phương thức vay vốn từng lần, tổng hạn mức tín dụng được cấp là: 17.000.000.000 (mười bảy tỉ) đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: kinh doanh mua bán sắt thép xây dựng. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Công ty đã nhận đủ nợ.

Tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay là nhà đất tọa lạc tại địa chỉ Đường Z, phường X, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 110/HDDTS2010 ngày 22/12/2010.

Quá trình vay vốn Công ty TNHH B đã không thanh toán được nợ gốc và lãi theo kỳ hạn đã định ban đầu. Do đó tài sản bảo đảm đã được các bên thống nhất xử lý thông qua bán đấu giá để thu hồi nợ vay. Hiện tại khoản vay còn lại không còn bảo đảm bằng tài sản. Tính đến ngày 24/4/2018, Công ty TNHH B còn nợ Ngân hàng N tổng số nợ là 7.150.627.203 (*bảy tỉ, một trăm năm mươi triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm lẻ ba*) đồng {trong đó tiền vốn gốc là 3.924.229.582 (*ba tỉ, chín trăm hai bốn triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi hai*) đồng; tiền lãi tính từ ngày 09/5/2012 đến ngày 24/4/2018 là 3.199.642.858 (*ba tỉ, một trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi tám*) đồng và tiền lãi phạt quá hạn 26.754.763 (*hai mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi ba*) đồng} và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán nợ vay. Công ty TNHH B cam kết trả toàn bộ số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng N – chi nhánh L. Nhưng do điều kiện Công ty đang khó khăn, tài sản của Công ty đã được Ngân hàng N - chi nhánh L phát mãi. Nay phía Công ty TNHH B xin được trả nợ dần mỗi năm 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Nếu có điều kiện thì Công ty sẽ trả hết nợ sớm hơn. Phía bị đơn Công ty TNHH B đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Ngoài ra phía bị đơn Công ty TNHH B không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn J đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa không lý do.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Các đương sự xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ. Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn J vắng mặt tại Tòa, nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải mà quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng N có ông Trần T là người đại diện theo ủy quyền rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: Yêu cầu bị đơn Công ty TNHH B hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn J bổ sung tài sản thế chấp như các bên đã thỏa thuận tại điểm 3.5.5, Điều 3 và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo điểm 4.4.7, khoản 4.4, Điều 4 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 110/HĐTC-2010 ngày 22/12/2010. Đối với yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Ngoài ra không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

- Bị đơn Công ty TNHH B có ông Nguyễn U là người đại diện theo pháp luật xác nhận còn thiếu nợ phía nguyên đơn Ngân hàng N số tiền như nêu trên. Trước đây quá trình làm việc tại Tòa phía bị đơn xin trả toàn bộ số nợ gốc và lãi mỗi năm trả 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn xin trả mỗi năm 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng và xin không trả lãi. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn J đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

+ *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện và việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về đối tượng, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B để đòi số nợ vốn, lãi còn thiếu trong hợp đồng tín dụng mà đôi bên đã ký kết với nhau và nguyên đơn Ngân hàng N có trụ sở chi nhánh tại Quận G và hợp đồng tín dụng cũng do đôi bên ký kết tại Quận G, nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo như quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện bị đơn Công ty TNHH B để đòi số nợ còn thiếu trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết với nhau, trong đó ông Nguyễn J là người thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản nợ vay, nên Ngân hàng N tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách tố tụng là nguyên đơn, Công ty TNHH B là bị đơn và ông Nguyễn J là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Về ủy quyền tham gia tố tụng:

+ Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2017 nguyên đơn Ngân hàng N ủy quyền cho ông Trần T đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận. Ông Trần T được quyền tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án này tại Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn U là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B trực tiếp tham gia tố tụng tại phiên tòa là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận. Ông Nguyễn U được quyền tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án này tại Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn J vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Hải, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 1603LAV201100335 ngày 26/8/2011 và hợp đồng thế chấp tài sản số 110/HĐTC-2010 ngày 22/12/2010 cùng lời khai xác nhận nợ của các bên đương sự tại Tòa có cơ sở xác định bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B còn thiếu nợ nguyên đơn Ngân hàng N số nợ vốn lãi tính đến ngày 24/4/2018 là 7.150.627.203 (*bảy tỉ, một trăm năm mươi triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm lẻ ba*) đồng {trong đó tiền vốn gốc là 3.924.229.582 (*ba tỉ, chín trăm hai bốn triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi hai*) đồng; tiền lãi tính từ ngày 09/5/2012 đến ngày 24/4/2018 là 3.199.642.858 (*ba tỉ, một trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi tám*) đồng và tiền lãi phạt quá hạn 26.754.763 (*hai mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi ba*) đồng}; Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu phía bị đơn Công ty Trách

nhệm hữu hạn B thanh toán số nợ còn thiếu trong hợp đồng như nêu trên là có cơ sở vì bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ mà đôi bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa phía bị đơn xin tăng mức thanh toán nợ, cụ thể trả dần mỗi năm 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng và xin không trả lãi nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Nay nếu tiếp tục kéo dài thời gian trả nợ sẽ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số nợ trên cùng tiền lãi phát sinh tiếp theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho phía nguyên đơn là có cơ sở. Về tài sản do ông Nguyễn J thế chấp để đảm bảo số nợ vay cho bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B đã được các bên thỏa thuận phát mãi để thu hồi nợ, hiện khoản nợ còn lại không có tài sản đảm bảo, nên không có gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu phía bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn J bổ sung tài sản thế chấp theo quy định tại điểm 3.5.5, Điều 3 và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo điểm 4.4.7, khoản 4.4, Điều 4 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 110/HĐTC-2010 ngày 22/12/2010. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu này; xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không trái pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N được Tòa án chấp nhận buộc bị đơn phải thanh toán nợ, nên bị đơn Công ty TNHH B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471; 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

1. Buộc bị đơn Công ty TNHH B trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền vốn lãi tổng cộng tính đến ngày 24/4/2018 là 7.150.627.203 (*bảy tỉ, một trăm năm mươi triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm lẻ ba*) đồng {trong đó tiền vốn gốc là 3.924.229.582 (*ba tỉ, chín trăm hai bốn triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi hai*) đồng; tiền lãi tính từ ngày 09/5/2012 đến ngày 24/4/2018 là 3.199.642.858 (*ba tỉ, một trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi tám*) đồng và tiền lãi phạt quá hạn 26.754.763 (*hai mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi ba*) đồng} và tiền lãi phát sinh tiếp theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N về việc: Yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn J bổ sung tài sản thế chấp theo quy định tại điểm 3.5.5, Điều 3 và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo điểm 4.4.7, khoản 4.4, Điều 4 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 110/HĐTC-2010 ngày 22/12/2010.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 115.150.627 (*một trăm mười lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn, sáu trăm hai mươi bảy*) đồng bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B chịu. Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 58.500.638 (*năm mươi tám triệu, năm trăm nghìn, sáu trăm ba mươi tám*) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AE/2014/0001906 ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Chính